TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 14/9/2018;
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cấn Xuân Trường;

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phên tòa: Bà Vi Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức X, sinh năm 1966 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H;

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1971;(vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Đức X trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị X tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố H ngày 02/10/1988. Ông bà chung sống hạnh Pc được 22 năm.

Đến tháng 11 năm 2015 bà X bỏ nhà ra đi từ đó đến nay không có tin tức gì. Ông X đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà X mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-DS ngày 13/6/2018 về việc tuyên bố bà Đỗ Thị X mất tích. Nay ông X đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông và bà X có bốn con chung là: Nguyễn Đức P, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1996; Nguyễn Đức K, sinh ngày 17/10/2005. Hiện anh P, chị H và chị D đã trưởng thành nên việc ở với ai là tùy ở anh chị. Cháu K hiện còn nhỏ, hiện đang ở với ông X. Nay ông X có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Quyết định số 02/2018/QĐST-DS ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố bà Đỗ Thị X là người mất tích. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố H và nơi cư trú cuối cùng của bà X tại thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại quy định Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã C, huyện T, thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông X và bà X kết hôn hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì bà X bỏ nhà đi biệt tích không có tín tức gì. Ông X đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà X là người mất tích và tại Quyết định số 02/2018/QĐST-DS ngày 13/6/2018 Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố bà Đỗ Thị X là người mất tích. Nay ông X yêu cầu ly hôn bà X là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]-*Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Đức X yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị X. Bà X là người bị tuyên bố là người mất tích và có nơi cư trú cuối cùng tại xã C, huyện T, thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Do bà X là người mất tích nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt bà X là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]-*Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đức X và bà Đỗ Thị X kết hôn hợp pháp, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C ngày 02/10/1988. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh Pc đến tháng 11/2015 bà X bỏ nhà đi không có tin tức gì. Ông X đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà X mất tích vàTòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-DS ngày 13/6/2018 về việc tuyên bố bà Đỗ Thị X mất tích.

Tại phiên tòa ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà X. Hội đồng xét xử nhận thấy bà X đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2015 và Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định tuyên bố bà Đỗ Thị X mất tích. Vì vậy, ông X xin ly hôn bà X là có căn cứ và phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về con chung: Ông Nguyễn Đức X và bà Đỗ Thị X có bốn con chung là: Nguyễn Đức P, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1996; Nguyễn Đức K, sinh ngày 17/10/2005. Hiện anh P, chị H, chị D đã trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của họ. Đối với cháu Nguyễn Đức K hiện chưa đến tuổi trưởng thành nên giao cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]-Về tài sản chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]-Về án phí: Ông X phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Ông Nguyễn Đức X ly hôn bà Đỗ Thị X.

2.Về con chung: Ông Nguyễn Đức X và bà Đỗ Thị X có bốn con chung là: Nguyễn Đức P, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1996; Nguyễn Đức K, sinh ngày 17/10/2005. Hiện anh P, chị H, chị D đã trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của họ. Giao cháu Nguyễn Đức K cho ông Nguyễn Đức X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi bà X trở về và ông X có yêu cầu. Bà Đỗ Thị X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Ông Nguyễn Đức X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lại số: AA/2015/0000965 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Đỗ Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy